

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-PT
Ngày 10/4/2026
V/v: “*Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

2/- Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2025/TLPT-HNGĐ ngày 31/12/2025, về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 92/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 293/2026/QĐ-PT ngày 02/3/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lại Văn N, sinh năm: 1964. Số CCCD: 092064000511 cấp ngày 23/4/2024. Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Nhật A, sinh năm: 1998. Địa chỉ: A đường M, phường C, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 03/3/2026*).

2. **Bị đơn:** Bà Võ Thị L, sinh năm: 1961. Số CCCD: 092161000323 cấp ngày 12/8/2021. Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Thanh P, sinh năm: 1970. Địa chỉ: F đường N, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 04/02/2026*).

3. **Người kháng cáo:** bị đơn bà Võ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn ông Lại Văn N trình bày:**

Ngày 19/6/2023 ông và bà Võ Thị L được Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử cho ly hôn theo Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST, nhưng chưa giải quyết phần sản chung. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông và bà L, cụ thể như sau: Thửa đất số 2300, diện tích 277,8m² đất

cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và căn nhà cấp 3 trên đất; Cùng 04 thửa đất có hầm cá tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T gồm: thửa 813, diện tích 726m²; thửa 814, diện tích 1.000m²; thửa 815, diện tích 1.349m² (03 thửa này là đất lúa và nuôi trồng thủy sản); thửa 32, diện tích 1.376m² (đất ở và trồng cây lâu năm); tất cả các thửa đất đều do ông đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Ông yêu cầu chia đôi tài sản, do thửa 2300 có căn nhà nên ông yêu cầu nhận giá trị, bà L nhận hiện vật, các thửa đất còn lại ông nhận hiện vật và hoàn giá trị cho bà L.

Ngoài ra, lợi nhuận trong việc nuôi cá từ tháng 6/2022 đến đầu năm 2024 với số tiền khoảng 07 tỷ bà L quản lý, ông cũng yêu cầu chia đôi. Các tài sản khác như: 01 xe gắn máy hiệu SH, biển số 65F1-059.69, bà L đứng tên quản lý sử dụng, trị giá khoảng 120 triệu, ông yêu cầu nhận ½ giá trị; 01 xe máy hiệu Vario, biển số 65F1-348.19, ông đứng tên, nhưng bà L quản lý sử dụng, trị giá khoảng 70 triệu, ông nhận hiện vật và hoàn ½ giá trị cho bà L.

** Bị đơn bà Võ Thị L trình bày:*

Năm 2009, khi đó vợ chồng nợ Ngân hàng và bên ngoài với số nợ lớn, tài sản nhà đất không đủ để trả nợ. Lúc đó, ông N bỏ nhà đi, có mang theo số tiền khoảng 260 triệu. Cuối năm 2011 ông N quay trở về nhà. Trong thời gian 02 năm đó bà ở nhà tự xoay sở lo tiền trả hết nợ bên ngoài, chỉ còn nợ Ngân hàng. Nhưng do tin tưởng ông N nên bà vẫn để ông N đứng tên làm ăn giao dịch các hợp đồng bán cá và quản lý tiền bạc gia đình.

Đến năm 2023, ông N ly hôn với bà và ông có nói sẽ giao lại tất cả tài sản nhà đất cho bà và các con, thấy vậy nên bà đồng ý ly hôn. Trước khi ly hôn, ông N có mang đi số tiền lớn (khoảng 06 tỷ). Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng chung sống, ông N nhiều lần lấy tiền sử dụng làm việc riêng nhưng không kê khai ra.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số 92/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 đã tuyên:

1/- Chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Lại Văn N và bà Võ Thị L là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

+ Ông Lại Văn N được nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 32, diện tích 1.376m² (ODT + CLN); thửa số 813, diện tích 726m² (NTS + LUC); thửa số 814, diện tích 1.000m² (NTS + LUC); thửa số 815, diện tích 1.349m² (NTS + LUC) và nhà kho tạm nằm trên đất bãi bồi (tại thửa số 37 theo bản đồ địa chính). Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ). Hiện bà L đang quản lý sử dụng.

+ Bà Võ Thị L được nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2300 có diện tích 278,1m² (CLN) và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, mái che, hàng rào). Thửa đất thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ). Hiện bà L đang quản lý sử dụng.

+ Ông Lại Văn N có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chênh lệch cho bà Võ Thị L với số tiền là 830.227.915 đồng.

+ Bà Võ Thị L có nghĩa vụ bàn giao tài sản nói trên cho ông N trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. Vị trí, hình thể các thửa đất nói trên được thể hiện trên Trích đo bản đồ địa chính số 47-2025 ngày 25/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố C. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/10/2025 bị đơn bà Võ Thị L kháng cáo yêu cầu phúc thẩm sửa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà được nhận toàn bộ tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo và xác định các thửa đất giao cho ông N chỉ là 01 ao duy nhất; Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét kháng cáo không có cơ sở, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhưng cần rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là có thiếu sót.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các bên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Lại Văn N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông với bà Võ Thị L sau khi ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” theo khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là không chính xác, mà là “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mà cho bà được nhận toàn bộ tài sản. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Các đương sự đều thừa nhận toàn bộ tài sản là do vợ chồng kinh doanh tạo lập được trong thời kỳ còn tồn tại quan hệ vợ chồng, không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của bất kỳ ai. Do đó, cấp sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản này là tài sản chung của ông N và bà L, cũng như không bên nào chứng minh được công sức đóng góp, tạo lập nhiều hơn nên theo nguyên tắc chia đôi là có căn cứ và phù hợp quy định tại các Điều 33, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Do căn nhà gắn liền thửa đất 2300 hiện do bà L và các con đang sinh sống, ông N không còn sống chung tại đây. Các thửa đất còn lại gồm: thửa 32, 813, 814 và 815 là đất ao, hầm để nuôi cá và làm nhà kho, ông N có nhu cầu sử dụng để tiếp tục chăn nuôi. Cấp sơ thẩm chia cho bà L được nhận nhà, đất thửa 2300 để thuận tiện, ổn định cuộc sống và ông N được nhận các thửa đất còn lại để nuôi thủy sản (nhưng thực tế chỉ là 01 cái ao duy nhất). Đồng thời, có xét đến việc hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho bên nhận giá trị tài sản thấp hơn là phù hợp và có căn cứ.

[4] Căn cứ kết quả định giá tài sản tại cấp sơ thẩm mà các bên đã thống nhất thì: nhà, đất thửa 2300 chia cho bà L có tổng giá trị là 1.045.289.731 đồng; các thửa đất 32, 813, 814, 815 + nhà kho tạm trên đất bãi bồi, có tổng giá trị là: 2.705.745.561 đồng. Cộng giá trị tổng tài sản là 3.751.035.292 đồng, mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ tương đương giá trị 1.875.517.646 đồng, Từ đó cấp sơ thẩm buộc ông N phải thối lại giá trị chênh lệch cho bà L số tiền: 830.227.915 đồng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản là không có cơ sở nên không chấp nhận; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm đã không tuyên đình chỉ xét xử đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là có thiếu sót.

[6] Về án phí phúc thẩm: mặc dù kháng cáo không được chấp nhận, nhưng do bà L trên 60 tuổi nên được miễn, không có thu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 148, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- 1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L.
- 2/- Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 92/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.
- 3/- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn N về chia lợi nhuận nuôi cá từ tháng 6/2022 đến đầu năm 2024: 01 xe gắn máy hiệu SH biển số 65F1-059.69; 01 xe máy hiệu Vario biển số 65F1-348.19.
- 4/- Về án phí phúc thẩm: bị đơn được miễn, không có thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND.KV4-Cần Thơ;
- Phòng THADS.KV4;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Lưu HS-VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Tuấn Quốc